

Số: /2016/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

"Dự thảo "Thông tư Quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình"

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và Bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sau đây viết là Nghị định số 39/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (sau đây viết là Nghị định số 44/2016/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình và hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Quản lý an toàn lao động và quản lý an toàn kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình.

2. Hình thức, nội dung, chương trình và việc tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng (*sau đây viết là máy, thiết bị, vật tư*).

3. Hướng dẫn khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo và giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn trong thi công xây dựng công trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, vật tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *An toàn lao động trong thi công xây dựng công trình* là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. *An toàn kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình* là hệ thống các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo ngăn ngừa sập, đổ hoặc hư hỏng công trình đang thi công xây dựng, các công trình lân cận và máy, thiết bị, vật tư.

3. *Quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình* là hoạt động quản lý của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của Thông tư này và pháp luật khác có liên quan nhằm đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn kỹ thuật.

4. *Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình* là hư hỏng hoặc sập, đổ của máy, thiết bị, vật tư xảy ra trong quá trình thi công xây dựng gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản.

5. *Kiểm định viên* là người hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo, giám sát thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư.

6. *Đối tượng kiểm định* là máy, thiết bị, vật tư.

Điều 4. Các nguyên tắc chung về quản lý an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình

1. Quá trình thi công xây dựng công trình phải được kiểm soát nhằm đảm bảo an toàn lao động, an toàn kỹ thuật theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình theo các quy định của Thông tư này phù hợp với hình thức đầu tư, hình thức quản lý dự án, hình thức giao thầu.

3. Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và có biện pháp quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với các công việc do mình thực hiện. Nhà thầu chính hoặc tổng thầu có trách nhiệm quản lý an toàn đối với các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

4. Người lao động thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải được tuyển dụng, bố trí công việc phù hợp với nghề nghiệp được đào tạo; được huấn luyện về an toàn lao động và trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý an toàn của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; hướng dẫn, tổ chức thực hiện điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động; kiến nghị và xử lý các vi phạm về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

6. Máy, thiết bị, vật tư phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được kiểm định kỹ thuật an toàn trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ AN TOÀN TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG

Điều 5. Trách nhiệm quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư

1. Phân công và thông báo nhiệm vụ, quyền hạn của người quản lý an toàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Xây dựng cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

2. Tổ chức kiểm tra, chấp thuận biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình do nhà thầu lập.

3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý an toàn lao động và an toàn kỹ thuật của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng.

4. Tổ chức phối hợp giữa các nhà thầu trên công trường xây dựng để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trên công trường và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình.

5. Tạm dừng, đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục khi phát hiện nhà thầu vi phạm các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng làm xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.

6. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động; khai báo kịp thời theo quy định tại Điều 25 Thông tư này; phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng điều tra sự cố kỹ thuật theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

7. Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình:

a) Chủ đầu tư được quyền giao nhà thầu này thực hiện một hoặc một số trách nhiệm của chủ đầu tư đối với công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình thông qua hợp đồng xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát thực hiện hợp đồng xây dựng, xử lý các vấn đề liên quan giữa nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình với các nhà thầu khác và với chính quyền địa phương trong quá trình thi công xây dựng công trình;

b) Các nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về những trách nhiệm được giao.

8. Việc thực hiện các quy định nêu tại Điều này của chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm về an toàn trong thi công xây dựng công trình của nhà thầu đối với các phần việc do mình thực hiện.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình của nhà thầu thi công xây dựng

1. Tổ chức bộ phận quản lý an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định 39/2016/NĐ-CP; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn cho người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động trên công trường.

2. Xây dựng nội quy, quy trình về quản lý an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình; báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.

3. Quản lý an toàn lao động gồm:

a) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định;

b) Bố trí người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đúng ngành nghề được đào tạo;

c) Trang bị đầy đủ các trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

d) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động của người lao động;

đ) Khai báo và khắc phục hậu quả tai nạn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình đối với các phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Quản lý an toàn kỹ thuật gồm:

a) Tổ chức lập, trình chủ đầu tư chấp thuận các biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình theo các nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư này;

b) Quản lý an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư; quản lý công tác bốc xếp và vận chuyển của máy, thiết bị trên công trường; quản lý dụng cụ, thiết bị cầm tay;

c) Tuân thủ biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình đã được phê duyệt, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn trong thi công xây dựng công trình;

d) Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động đối với các công việc do mình thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư này và pháp luật có liên quan; bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong trường hợp do nhà thầu gây ra.

đ) Dừng thi công xây dựng khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.

5. Tổ chức các hoạt động quản lý an toàn trên công trường hàng ngày:

a) Người làm công tác an toàn của nhà thầu có trách nhiệm hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường; yêu cầu người lao động kiểm tra dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trước khi làm việc; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động đối với người lao động; quản lý số lượng người lao động làm việc trên công trường;

b) Người lao động tự kiểm tra dụng cụ, bảo hộ lao động trước khi làm việc; sử dụng dụng cụ, bảo hộ lao động đúng quy định trong quá trình thi công; sắp xếp phương tiện, dụng cụ lao động về vị trí theo quy định khi kết thúc công việc;

Điều 7. Biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình (*sau đây viết là biện pháp an toàn*) là một phần của hồ sơ thiết kế biện pháp thi công. Biện pháp an toàn phải được lập phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn trong thi công xây dựng.

2. Biện pháp an toàn gồm thuyết minh và các bản vẽ biện pháp an toàn tương ứng với các hạng mục công việc và giai đoạn thi công xây dựng. Thuyết minh biện pháp an toàn phải thể hiện được các nội dung sau:

- a) Các tiêu chuẩn áp dụng về an toàn trong thi công xây dựng;
- b) Số lượng, chủng loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng;
- c) Chứng chỉ và giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động cần thiết cho từng loại công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;
- d) Các quy định khi thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;
- đ) Các hạng mục công việc và quy trình thực hiện các công việc có yếu tố rủi ro trong quá trình thi công xây dựng công trình; biện pháp phòng ngừa các yếu tố rủi ro.

3. Biện pháp an toàn phải được xem xét định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh phù hợp với thực tế công trường.

4. Đối với hệ thống giàn giáo chống chịu lực có chiều cao lớn hơn 4m, hệ thống giàn giáo phục vụ thi công hoàn thiện lắp đặt ở độ cao trên 5m; hệ thống cốp pha trượt, cốp pha leo; cầu tháp, cần phân phối bê tông; vận thăng, sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng phải có thiết kế, phê duyệt và nghiệm thu như một hạng mục công trình xây dựng.

5. Đối với các công việc xây dựng, giai đoạn xây dựng có nguy cơ gây mất an toàn cao gồm: làm việc trên cao, trên sàn công tác di động, nơi nguy hiểm, trên mặt nước, dưới nước, trong hầm thì phải có quy trình đảm bảo an toàn riêng cho con người, công trình, hạng mục công trình đang thi công và các công trình lân cận.

6. Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy

định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động, máy và thiết bị thi công phải tuân thủ quy trình, biện pháp an toàn.

Trường hợp khi hoạt động, thiết bị thi công vượt khỏi phạm vi mặt bằng công trường và có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng thì chủ đầu tư phải phê duyệt biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình trong, ngoài công trường chịu ảnh hưởng của thi công xây dựng.

Trường hợp do điều kiện thi công, thiết bị phải đặt ở ngoài phạm vi công trường và trong thời gian không hoạt động nếu các thiết bị thi công vượt ra khỏi phạm vi công trường và có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng thì phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng

1. Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý an toàn của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 do chủ đầu tư giao theo quy định của hợp đồng xây dựng.

3. Thực hiện nghiệm thu các công việc nêu tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

4. Thông báo cho chủ đầu tư những nguy cơ có thể ảnh hưởng đến an toàn trong quá trình thi công công trình để kịp thời có các giải pháp xử lý và điều chỉnh biện pháp thi công cho phù hợp.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với chủ đầu tư về công tác quản lý an toàn trên công trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 9. Phân định trách nhiệm quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình giữa chủ đầu tư với tổng thầu EPC

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Điểm e, Điểm g Khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

2. Tổng thầu EPC có trách nhiệm thực hiện quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình của mình và đối với các nhà thầu phụ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này. Nhà thầu phụ có trách nhiệm tự thực hiện các quy định nêu tại Điều 6 Thông tư này đối với phần việc mình thi công xây dựng công trình.

Điều 10. Trách nhiệm của bộ phận quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm quản lý an toàn lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 và quản lý an toàn kỹ thuật theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

2. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện các vi phạm về an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động thì phải có biện pháp chặn chĩnh kịp thời, xử lý theo quy định nội bộ của nhà thầu; trường hợp cần thiết tạm dừng thi công đối với công việc có nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động và đình chỉ tham gia lao động đối với người lao động không tuân thủ biện pháp an toàn, đồng thời báo cáo người chỉ huy công trường.

3. Chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố kỹ thuật dẫn đến tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có yêu cầu của chủ đầu tư, người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của người lao động trên công trường xây dựng

1. Thực hiện các quy định tại Khoản 2 Điều 6 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2. Nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn trên công trường xây dựng;

3. Tham gia khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi vận hành, sử dụng các máy, thiết bị, vật tư hoặc làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 12. Kiểm tra công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này kiểm tra về an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền kiểm tra an toàn trong quá trình thi công xây dựng:

a) Đối với công trình quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP, thẩm quyền kiểm tra thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP;

b) Đối với công trình còn lại, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện kiểm tra; riêng đối với công trình nhà ở riêng lẻ, UBND cấp phường kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng.

3. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng công trình theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất khi cần thiết;

b) Kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng công trình được phối hợp đồng thời với kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 8 Điều 34 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

4. Nội dung kiểm an toàn trong thi công xây dựng công trình bao gồm sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý an toàn của chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng công trình theo quy định của Thông tư này, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng về an toàn trong thi công xây dựng công trình.

Điều 13. Các chi phí thực hiện công tác quản lý an toàn trong quá trình thi công xây dựng

1. Chi phí cho công tác quản lý an toàn được tính trong dự toán xây dựng công trình bao gồm:

a) Chi phí lập và thực hiện các biện an toàn;

b) Chi phí huấn luyện cho cán bộ quản lý, người làm công tác an toàn, người lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; thông tin, tuyên truyền, về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Chi phí trang bị phương tiện, bảo vệ cá nhân cho người lao động;

d) Chi phí cho công tác phòng, chống cháy nổ;

đ) Chi phí phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động;

e) Chi phí ứng phó sự cố kỹ thuật, xử lý tình trạng khẩn cấp;

g) Chi phí cho việc kiểm tra công tác an toàn của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Chi phí quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được tính trong chi phí xây dựng của dự toán xây dựng công trình.

3. Các chi phí quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 1 Điều này được tính trong chi phí khác của dự toán xây dựng công trình.

Chương III

HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG, SÁT HẠCH NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

Điều 14. Quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn

Bộ Xây dựng giao Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng là cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng (*sau đây viết là cơ quan chuyên môn*) chịu trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 15. Hình thức tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Kiểm định viên thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn phải được huấn luyện, bồi dưỡng và sát hạch theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định 44/2016/NĐ-CP và được quy định thành các nhóm sau:

a) Nhóm 1: Kiểm định viên thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với hệ giàn giáo; thanh, cột chống tổ hợp; hệ thống cốp pha;

b) Nhóm 2: Kiểm định viên thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy khoan, máy ép cọc, máy đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông;

c) Nhóm 3: Kiểm định viên thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng;

d) Nhóm 4: Kiểm định viên thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy thi công công trình hầm, ngầm.

2. Huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lần đầu được thực hiện đối với cá nhân tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật và chưa được cấp chứng chỉ kiểm định viên hoặc đã bị thu hồi chứng chỉ kiểm định viên.

3. Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được thực hiện đối với cá nhân là kiểm định viên.

Điều 16. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Nội dung huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn:

a) Lý thuyết chung: hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kiểm định; Phương pháp đánh giá rủi ro thiết bị; Hướng dẫn sử dụng các thiết bị đo lường, dụng cụ phục vụ công tác kiểm định kỹ thuật an toàn;

b) Lý thuyết nghiệp vụ về đối tượng kiểm định: nguyên lý cấu tạo, vận hành thiết bị; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với từng đối tượng kiểm định;

c) Thực hành: kiểm định thiết bị theo quy trình kiểm định; sử dụng thiết bị đo lường, dụng cụ phục vụ công tác kiểm định.

2. Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn:

a) Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm định;

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn; các thông tin quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trên toàn quốc.

3. Chương trình khung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn:

a) Cơ quan chuyên môn xây dựng chương trình khung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên và trình Bộ Xây dựng ban hành.

b) Căn cứ chương trình khung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn, đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng xây dựng chương trình, tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng phù hợp với đặc điểm đối tượng kiểm định và yêu cầu thực tế trình cơ quan chuyên môn xem xét, chấp thuận.

Điều 17. Lập kế hoạch và lựa chọn đơn vị tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn gồm: lựa chọn đơn vị tổ chức; thẩm định, phê duyệt kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng; thực hiện kiểm tra hoạt động huấn luyện, bồi dưỡng; công nhận kết quả sát hạch huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

2. Đơn vị được lựa chọn thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Là tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động Hạng B hoặc Hạng C theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 26 Nghị định 44/2016/NĐ-CP;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn đáp ứng được yêu cầu tại Khoản 3 Điều này;

c) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

3. Yêu cầu của kế hoạch tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn bao gồm các nội dung sau:

a) Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn;

b) Số lượng học viên dự kiến tham gia;

c) Chương trình, nội dung huấn luyện, bồi dưỡng;

d) Danh sách giảng viên (kèm lý lịch khoa học) tham gia huấn luyện, bồi dưỡng;

đ) Kế hoạch tổ chức sát hạch và đề xuất thành viên tham gia Hội đồng sát hạch;

e) Giải trình, báo cáo (kèm theo tài liệu chứng minh) đảm bảo yêu cầu về tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn theo các nội dung sau đây:

- Có hội trường, dụng cụ, thiết bị để tổ chức các nội dung huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch lý thuyết, thực hành theo nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn;

- Có tài liệu, giáo trình huấn luyện và ngân hàng đề sát hạch phù hợp với nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn;

- Có đủ giảng viên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn có trình độ, chuyên ngành, kinh nghiệm phù hợp với nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

Điều 18. Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn quyết định thành lập Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

2. Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn có tối thiểu 05 thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn và đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức khóa huấn luyện.

3. Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn có trách nhiệm tổ chức sát hạch khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

4. Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn có các nhiệm vụ sau:

a) Duyệt danh sách học viên đủ điều kiện sát hạch theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Thông tư này;

b) Xây dựng, điều chỉnh đề sát hạch;

c) Thành lập Tổ chấm sát hạch;

d) Tổng hợp kết quả sát hạch, báo cáo thủ trưởng cơ quan chuyên môn quyết định công nhận kết quả sát hạch. Mẫu Báo cáo kết quả sát hạch khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Tổ chức sát hạch huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Tổ chức sát hạch có tối thiểu 02 thành viên chấm sát hạch lý thuyết và 03 thành viên chấm sát hạch thực hành gồm: chuyên gia có uy tín trong thiết kế, chế tạo, vận hành, kiểm định, chứng nhận máy, thiết bị, vật tư có kinh nghiệm 5 năm trở lên; đại diện cơ quan chuyên môn.

2. Tổ chức sát hạch có nhiệm vụ sau đây:

a) Hỏi, chấm điểm và tổng hợp, báo cáo kết quả sát hạch cho Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

b) Kiến nghị Hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động điều chỉnh kịp thời những sai sót trong đề sát hạch.

Điều 20. Sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Nội dung sát hạch đối với khóa huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn:

a) Sát hạch lý thuyết: Học viên làm bài sát hạch trên giấy theo hình thức trắc nghiệm. Nội dung bao gồm lý thuyết chung và lý thuyết của môn học tương ứng theo nội dung đăng ký.

b) Sát hạch thực hành: Học viên thực hiện bài sát hạch thực hành kiểm định trực tiếp trên đối tượng kiểm định hoặc trên phần mềm mô phỏng theo Quy trình kiểm định và xử lý kết quả kiểm định trên từng đối tượng kiểm định đăng ký học.

2. Đối với khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, học viên làm bài sát hạch trên giấy theo hình thức trắc nghiệm.

3. Học viên được tham gia sát hạch nếu đảm bảo lên lớp tối thiểu 80% thời lượng chương trình huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

Điều 21. Công nhận kết quả sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn quyết định công nhận kết quả sát hạch theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

2. Học viên đạt yêu cầu sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động khi kết quả sát hạch lý thuyết, kết quả sát hạch thực hành theo chương trình huấn luyện, bồi dưỡng đạt từ 60 điểm (theo thang điểm 100) trở lên.

3. Đơn vị tổ chức khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các học viên đạt yêu cầu sát hạch. Mẫu Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

1. Được thu phí huấn luyện, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí huấn luyện, bồi dưỡng cho học viên trong trường hợp đơn vị không thực hiện việc huấn luyện theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn, đơn vị huấn luyện, bồi dưỡng phải đáp ứng các yêu cầu trong kế hoạch đã được duyệt. Trường hợp có sự thay đổi kế hoạch, phải thông báo kịp thời về cơ quan chuyên môn để được xem xét quyết định.

3. Xây dựng kế hoạch, quy chế huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trình cơ quan chuyên môn phê duyệt.

4. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, con người, đảm bảo an ninh, an toàn trong suốt quá trình sát hạch lý thuyết và sát hạch thực hành.

5. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến khóa huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 23. Quy cách, quản lý Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn và chứng chỉ kiểm định viên

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn (Giấy chứng nhận)

a) Giấy chứng nhận có màu **vàng** nhạt, kích thước 21x29,7cm. Nội dung Giấy chứng nhận theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

b) Mã số đăng ký Giấy chứng nhận gồm 02 nhóm ký hiệu được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), nhóm thứ nhất có 06 ký tự bằng chữ cái La tinh "CNATXD", nhóm thứ hai có 04 chữ số Ả rập. Ví dụ Mã số Giấy chứng nhận như sau: CNXTXD-9248.

2. Chứng chỉ kiểm định viên

a) Chứng chỉ kiểm định viên có màu **xanh** nhạt, kích thước 21x29,7cm. Nội dung Giấy chứng nhận theo quy định tại Phụ lục Ic Nghị định 44/2016/NĐ-Cp.

b) Mã số chứng chỉ kiểm định viên 02 nhóm ký hiệu được nối với nhau bằng dấu gạch ngang "-" nhóm thứ nhất có 06 ký tự bằng chữ cái La tinh "KĐATXD", nhóm thứ hai có 04 chữ số Ả rập. Ví dụ Mã số chứng chỉ kiểm định viên: KĐATXD-9248.

Điều 24. Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn đăng tải thông tin của tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn do Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận gồm:

- a) Tên, địa chỉ của tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn;
- b) Mã số Giấy chứng nhận;
- c) Tên đối tượng kiểm định đã được cấp Giấy chứng nhận;
- d) Ngày cấp, ngày hết hiệu lực;
- đ) Các lỗi vi phạm của tổ chức kiểm định (nếu có).

2. Cơ quan chuyên môn đăng tải thông tin của Kiểm định viên gồm:

- a) Họ tên kiểm định viên;
- b) Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân;
- c) Tên đối tượng kiểm định đã được cấp;
- d) Mã số kiểm định viên;
- đ) Ngày cấp, ngày hết hiệu lực;
- e) Các lỗi vi phạm của kiểm định viên (nếu có).

Chương IV

KHAI BÁO, ĐIỀU TRA, BÁO CÁO SỰ CỐ KỸ THUẬT GÂY MẤT AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 25. Khai báo, điều tra, báo cáo về mất an toàn lao động trong thi công xây dựng.

1. Đối với tai nạn lao động xảy ra trong thi công xây dựng, việc khai báo, điều tra, báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Đối với sự cố công trình xây dựng gây mất an toàn lao động, việc khai báo, điều tra, báo cáo sự cố công trình xây dựng thực hiện theo quy

định tại Nghị định 46/2015/NĐ-CP và của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Đối với sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động xảy ra trong thi công xây dựng, việc khai báo, điều tra, báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng được thực hiện theo các quy định tại Thông tư này và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 26. Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng làm chết người hoặc bị thương nặng từ 02 người trở lên, chủ đầu tư có trách nhiệm khai báo với Sở Xây dựng, nơi xảy ra sự cố kỹ thuật các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình, vị trí xây dựng; quy mô, công suất công trình;
2. Tên các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình.
3. Mô tả sơ bộ về sự cố kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư bị hư hỏng hoặc sập đổ; tình trạng công trình xây dựng khi xảy ra sự cố kỹ thuật, thời điểm xảy ra sự cố kỹ thuật.
4. Sơ bộ nguyên nhân gây ra sự cố kỹ thuật (nếu có)
5. Số người chết, số người bị thương; sơ bộ thiệt hại về tài sản.

Điều 27. Trách nhiệm điều tra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động nhưng không thiệt hại về người và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng nơi thi công xây dựng công trình.

2. Sở Xây dựng chủ trì giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động và báo cáo kết quả về Bộ Xây dựng trừ sự cố kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều này; hướng dẫn, tổ chức điều tra xác định nguyên các sự cố kỹ thuật nêu tại Khoản 1 Điều này và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động làm chết người.

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động; hướng dẫn, tổ chức điều tra xác định nguyên các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động nghiêm trọng.

Điều 28. Giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng công trình

Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng, trình tự giải quyết như sau:

1. Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện khai báo theo quy định tại Điều 26 Thông tư này. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố.

2. Sở Xây dựng, nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động thực hiện các công việc sau:

a) Xem xét, quyết định dừng, tạm dừng sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư; dừng, tạm dừng thi công đối với các hạng mục công trình, một phần hoặc toàn bộ công trình tùy theo mức độ và phạm vi sự cố kỹ thuật;

b) Xem xét, quyết định việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố kỹ thuật trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau: đảm bảo an toàn cho người, tài sản, công trình và các công trình lân cận. Hiện trường sự cố kỹ thuật phải được các bên liên quan chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết phục vụ công tác điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật và lập hồ sơ sự cố trước khi phá dỡ, thu dọn;

c) Thông báo kết quả điều tra nguyên nhân sự cố cho chủ đầu tư, các chủ thể khác có liên quan; các yêu cầu đối với chủ đầu tư hoặc các bên có liên quan phải thực hiện để khắc phục sự cố kỹ thuật;

d) Xử lý trách nhiệm của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật;

3. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng trong quá trình thi công xây dựng hoặc chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có trách nhiệm khắc phục sự cố theo yêu cầu của Sở Xây dựng nơi xảy ra sự cố kỹ thuật. Sau khi khắc phục sự cố kỹ thuật, Sở Xây dựng quyết định việc tiếp tục sử dụng các máy, thiết bị, vật tư và cho phép thi công trở lại.

4. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố kỹ thuật có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng.

Điều 29. Điều tra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 23 Thông tư này thành lập Tổ điều tra sự cố kỹ thuật để xác định nguyên nhân. Tổ điều tra sự cố kỹ thuật bao gồm đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố kỹ thuật, các cơ quan có liên quan và các chuyên

gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố kỹ thuật. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức điều tra nguyên nhân sự cố kỹ thuật chỉ định tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn thực hiện kiểm định đối với máy, thiết bị, vật tư phục vụ đánh giá nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục.

2. Nội dung thực hiện điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu, thông số kỹ thuật có liên quan đến máy, thiết bị, vật tư và thực hiện các công việc chuyên môn để xác định nguyên nhân;

b) Đánh giá mức độ an toàn của máy, thiết bị, vật tư, công trình và công trình lân cận (nếu có) sau sự cố kỹ thuật;

c) Phân định trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân có liên quan;

d) Lập hồ sơ xác định nguyên nhân sự cố, bao gồm: Báo cáo điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật và các tài liệu liên quan trong quá trình thực hiện.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tạm ứng chi phí tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật trong thi công xây dựng công trình. Sau khi có kết quả xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật và phân định trách nhiệm thì tổ chức, cá nhân gây ra sự cố kỹ thuật phải có trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật nêu trên. Trường hợp sự cố công trình xảy ra do nguyên nhân bất khả kháng thì trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định của hợp đồng xây dựng có liên quan.

Điều 30. Thống kê, Báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Bộ Xây dựng chủ trì tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*) có trách nhiệm thống kê, báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng trên địa bàn theo Mẫu số 1 Phụ lục III Thông tư này trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm thống kê, báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý theo Mẫu số 2 Phụ lục III Thông tư này trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

4. Các Bộ, ngành khác có trách nhiệm thống kê, báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng do Bộ, ngành là người quyết định đầu tư hoặc là chủ đầu tư theo Mẫu số 3 Phụ lục III Thông tư này trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 31. Xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Khi phát hiện vi phạm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục các vi phạm;

b) Trường hợp cần thiết, lập biên bản gửi *Thanh tra xây dựng*, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh - Xã hội để xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động. Cơ quan Thanh tra xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý tới cơ quan chuyên môn về xây dựng lập;

c) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn.

d) Tạm dừng khai thác sử dụng máy, thiết bị, vật tư nếu phát hiện nguy cơ mất an toàn, nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động ảnh hưởng đến an toàn tính mạng, công trình lân cận và cộng đồng. Thẩm quyền tạm dừng thi công xây dựng công trình được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền tạm dừng khai thác, sử dụng máy, thiết bị, vật tư:

a) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền tạm dừng khai thác sử dụng máy, thiết bị, vật tư;

b) Thủ trưởng cơ quan quyết định tạm dừng khai thác sử dụng máy, thiết bị, vật tư quy định tại Điểm a Khoản này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc khắc phục của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng; quyết định cho phép tiếp tục khai thác sử dụng máy, thiết bị, vật tư bằng văn bản sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu có báo cáo về việc khắc phục các tồn tại, đảm bảo các yêu cầu về an toàn trong thi công xây dựng công trình.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước an toàn trong thi công xây dựng công trình trong phạm vi cả nước và trực tiếp quản lý về an toàn trong thi công xây dựng công trình quy định tại Khoản 1 Điều 51 Nghị định 46/2016/NĐ-CP.

2. Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng đối với các công trình theo thẩm quyền được giao về quản lý về chất lượng công trình xây dựng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 51 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình xây dựng trên địa bàn. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình theo thẩm quyền được giao quản lý về chất lượng công trình xây dựng quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

4. Các Bộ, ngành khác có trách nhiệm báo cáo về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng đối với các công trình do Bộ, ngành quản lý đầu tư xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Thông tư này.

Điều 33. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng của Bộ Xây dựng

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về quản lý an toàn trong thi công xây dựng.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các Bộ, ngành, địa phương, các chủ thể tham gia xây dựng công trình; kiểm tra công tác quản lý an toàn trong quá trình thi công xây dựng tại các công trình xây dựng khi cần thiết.

3. Yêu cầu các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp tỉnh thực hiện kiểm tra công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trong phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

4. Kiểm tra công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

5. Hướng dẫn thực hiện khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Thông tư này.

6. Xử lý vi phạm về quản lý an toàn trong thi công xây dựng theo quy định; cập nhật thông tin các nhà thầu vi phạm an toàn trong thi công xây dựng công trình đưa lên trang Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

7. Quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư:

a) Tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định máy, thiết bị, vật tư; phê duyệt chương trình khung đào tạo huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn;

b) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn thuộc thẩm quyền quản lý; thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định 44/2016/NĐ-CP;

c) Quản lý phôi Giấy chứng nhận và chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 23 Thông tư này;

d) Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các tổ chức đã được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận;

đ) Công bố thông tin các tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn đã được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận trên trang thông tin điện tử của Bộ.

8. Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng trên phạm vi cả nước và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

9. Bộ Xây dựng giao Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện các nội dung quy định tại Điều này và trực tiếp thực hiện một số nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ kiểm định viên thực hiện kiểm định với máy, thiết bị, vật tư;

c) Tạm dừng khai thác, sử dụng đối với máy, thiết bị, vật tư; xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Thông tư này; cho phép tiếp tục khai thác, sử dụng máy, thiết, thiết bị, vật tư.

10. Thực hiện các nội dung quản lý khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý an toàn trong thi công xây dựng.

Điều 34. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng của các Bộ, ngành khác

1. Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm quản lý an toàn trong thi công xây dựng như sau:

a) Hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng chuyên ngành;

b) Tổ chức kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình và kiểm tra công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ khi cần thiết hoặc khi Bộ Xây dựng yêu cầu;

c) Thực hiện các nội dung quản lý khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý an toàn trong thi công xây dựng.

2. Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các Bộ, ngành khác tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình do Bộ, ngành quản lý trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

Điều 35. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình cho các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Căn cứ và điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình thuộc địa bàn quản lý.

2. Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn.

3. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thi công xây dựng công trình trên địa bàn.

4. Hướng dẫn, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Thông tư này;

5. Đề nghị Bộ Xây dựng thu hồi Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

6. Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Thông tư này.

Điều 36. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn, thực hiện các việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình;

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn;

d) Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành;

đ) Chủ trì giải quyết sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình và báo cáo kết quả về Bộ Xây dựng; hướng dẫn, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình làm chết người.

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn;

g) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

h) Tiếp nhận Giấy chứng nhận kết quả kiểm định đối với máy, thiết bị, vật tư hoạt động trên địa bàn.

i) Đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng thu hồi chứng chỉ kiểm định viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

k) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Thông tư này theo thẩm quyền.

l) Xem xét, chấp thuận biện pháp an toàn của chủ đầu tư trong trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành trên địa bàn;

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng về công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình;

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác quản lý an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn.

4. Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn trong thi công xây dựng công trình thuộc địa bàn quản lý trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016 và thay thế Thông tư số 22/2010/TT-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Bộ Xây dựng Quy định về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng, Thanh tra XD;
- Công báo; website Chính phủ; website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VP, HĐXD.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Hồng Hà

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ SÁT HẠCH KHÓA HUẤN LUYỆN,
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BXD)

HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-HĐSH , ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

**Kết quả sát hạch khóa huấn luyện (hoặc bồi dưỡng)
nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn**

**1. Thông tin về khóa huấn luyện (hoặc bồi dưỡng) nghiệp vụ
kiểm định kỹ thuật an toàn**

- Chương trình, nội dung huấn luyện (bồi dưỡng).
- Tổng số học viên dự kiến, số lượng học viên thực tế tham gia theo từng môn học (kèm danh sách).
- Thời gian, địa điểm tổ chức.
- Các nội dung khác

**2. Kết quả khóa huấn luyện (hoặc bồi dưỡng) nghiệp vụ kiểm
định kỹ thuật an toàn**

- Môn học:.....; số lượng học viên:.....; số lượng học viên đủ điều kiện sát hạch:.....; số lượng học viên sát hạch đạt yêu cầu đạt yêu cầu:.....

- Môn học:.....; số lượng học viên:.....; số lượng học viên đủ điều kiện sát hạch:.....; số lượng học viên sát hạch đạt yêu cầu đạt yêu cầu:.....

Danh sách chi tiết kết quả sát hạch của các học viên được gửi kèm báo cáo này

3. Ý kiến, kiến nghị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH CHI TIẾT KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA CÁC HỌC VIÊN

1. Kết quả môn học

STT	Họ và tên	Thời gian lên lớp	Kết quả sát hạch				Đánh giá (Đạt/ Không đạt)
			Lần 1		Lần 2		
			Điểm lý thuyết	Điểm thực hành	Điểm lý thuyết	Điểm thực hành	
1	Nguyễn Văn A	...tiết/...tiết					

2. Kết quả môn học

.....

Phụ lục II
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA HUẤN LUYỆN,
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BXD)

Mẫu số 01. Mẫu Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

Mẫu số 02. Mẫu Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

Mẫu số 01. Mẫu Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn

(TÊN ĐƠN VỊ HUẤN LUYỆN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

Ảnh 3x4 (đóng
dấu giáp lại
hoặc dấu nổi)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**

Số:.....

Họ và tên: Nam,

Nữ:.....

Sinh ngày:..... Nơi

sinh:.....

Quốc tịch:

Số CMND/Căn cước công dân/hộ
chiếu.....

Đơn vị công tác:..

.....

Chức vụ:

.....

Đã hoàn thành khóa huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao
động đối với các đối tượng kiểm định:

.....

.

Được tổ chức từ ngày tháng năm đến ngày..tháng năm

GIÁM ĐỐC

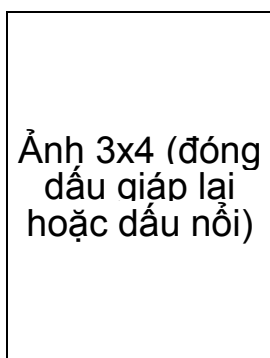
(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Mẫu số 02. Mẫu Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn.

(TÊN ĐƠN VỊ HUẤN LUYỆN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**

Số:.....

Họ và tên: Nam,

Nữ:.....

Sinh ngày:..... Nơi

sinh:.....

Quốc tịch:

Số CMND/Căn cước công dân/hộ
chiếu.....

Đơn vị công tác:.
.....

Chức vụ:
.....

Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định:

.....
.

Được tổ chức từ ngày tháng năm đến ngày..tháng năm

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Phụ lục III

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ AN TOÀN TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BXD)

Mẫu số 01. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh

Mẫu số 02. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các Bộ Công an, Quốc phòng và Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành

Mẫu số 03. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng của Bộ, ngành khác

**Mẫu số 01. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn
trong thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh**

**UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ
(1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng
trên địa bàn tỉnh/thành phố
Năm**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

1. Sự cố mất an toàn, tai nạn lao động trong thi công xây dựng

Loại công trình chính	Do sự cố công trình			Do sự cố kỹ thuật (về máy, thiết bị thi công)			Do người lao động			Do nguyên nhân khác		
	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương
Dân dụng												
Công nghiệp												
Giao thông												
Nông nghiệp và PTNT												
Hạ tầng kỹ thuật												
Tổng số												

2. Kết quả kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Loại công trình chính	Số công trình đã kiểm tra	Số nhà thầu thi công được kiểm tra	Số nhà thầu vi phạm về an toàn trong thi công xây dựng					
			Vi phạm về việc lập biện pháp đảm bảo an toàn không theo quy định	Vi phạm về việc không tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, biện pháp đảm bảo an toàn	Vi phạm về quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Vi phạm về huấn luyện an toàn	Vi phạm về tổ chức bộ phận quản lý an toàn	Vi phạm các quy định khác về an toàn theo quy định
Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

3. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện công tác an toàn trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn (Chủ đầu tư; các nhà thầu giám sát, thi công; người lao động)

a) Việc thành lập, bố trí hệ thống tổ chức quản lý công tác an toàn theo quy định;

b) Việc lập và phê duyệt biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản, máy, thiết bị, vật tư, công trình, công trình lân cận trong thiết kế biện pháp thi công theo quy định;

c) Việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình về an toàn trong thi công xây dựng;

d) Quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng;

đ) Việc tổ chức kiểm tra, giám sát về an toàn trong thi công xây dựng;

e) Việc tổ chức huấn luyện An toàn vệ sinh lao động cho người quản lý, sử dụng lao động ; người lao động tham gia thi công xây dựng công trình;

g) Việc chấp hành các quy định, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn của người lao động trong quá trình thi công xây dựng.

h) Các sự cố kỹ thuật mất an toàn trong thi công xây dựng gồm: Mô tả sự cố, nguyên nhân, thiệt hại, khắc phục và xử lý vi phạm.

4. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ (1)
(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng của các Bộ Công an, Quốc phòng và Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành

TÊN CƠ QUAN (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:/.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình do
Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý
Năm**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

1. Sự cố mất an toàn, tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình

Do sự cố công trình			Do sự cố kỹ thuật (về máy, thiết bị thi công)			Do người lao động			Do nguyên nhân khác		
Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương

2. Kết quả kiểm tra an toàn trong thi công xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Số công trình đã kiểm tra	Số nhà thầu thi công được kiểm tra	Số nhà thầu vi phạm về an toàn trong thi công xây dựng						
		Vi phạm về việc lập biện pháp đảm bảo an toàn không theo quy định	Vi phạm về việc không tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, biện pháp đảm bảo an toàn	Vi phạm về quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Vi phạm về huấn luyện an toàn	Vi phạm về tổ chức bộ phận quản lý an toàn	Vi phạm các quy định khác về an toàn theo quy định	

			toàn				

3. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện công tác an toàn trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn (*Chủ đầu tư; các nhà thầu giám sát, thi công; người lao động*)

4. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu pháp nhân*)

**Mẫu số 03. Báo cáo về tình hình quản lý an toàn
trong thi công xây dựng của Bộ, ngành khác**

TÊN CƠ QUAN (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
về tình hình quản lý an toàn trong thi công xây dựng do
Bộ là người quyết định đầu tư hoặc là chủ đầu tư
Năm

Kính gửi: Bộ Xây dựng

1. Sự cố mất an toàn, tai nạn lao động trong thi công xây dựng

Loại công trình chính	Do sự cố công trình			Do sự cố kỹ thuật (về máy, thiết bị thi công)			Do người lao động			Do nguyên nhân khác		
	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương
Dân dụng												
Công nghiệp												
Giao thông												
Nông nghiệp và PTNT												
Hạ tầng kỹ thuật												
Tổng số												

2. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện công tác an toàn trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng (*Chủ đầu tư; các nhà thầu giám sát, thi công; người lao động*)

3. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)